

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	CL+BK9+PPD	7:25	3+7+11	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
2	410	VSP02+P5+HST	7:25	14+4+4	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
3	420	CTK3+TD3+CLO	7:25	17+4+0	0+0+0		8+2+12	0+0+0	
4	846	CNV+VSP02+RP1	9:25	6+16+0	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
5	410	TD2+BK14+CTK3	9:25	0+8+7	0+0+0		0+9+13	0+0+0	CHUYỂN 2 TD2 CTK3CHUYỂN 1 BK14-CTK3
6	420	TGTH4+PPD+VSP02	9:25	4+12+5	0+0+0		5+7+9	0+0+0	
7	846	P10+P4+AMD	11:25	1+14+7	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
8	616	AMD+TGTH1+HSD	12:30	15+4+0	0+0+0		8+9+0	0+0+0	CHUYỂN 2 TGTH1-HSD

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLI - BK9 - PPD	CREW: Hồi - MTHAO - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

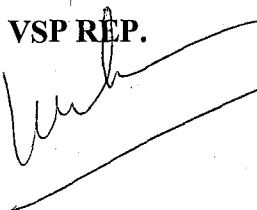
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THANH HÙNG	CLI	77	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
2	GEFTMAN M. R	CLI	78	1	5		90	KH-THAC	Russian
3	ROZGON A. L	CLI	76	1	10		95	KH-THAC	Russian
4	TRẦN NGỌC CHINH	BK9	99	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC CUÔNG	BK9	67	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	66	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN BÌNH	BK9	10	1	7	60	75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC MINH	BK9	12	1	10	15	65	CODIEN	Vietnamese
9	VUÔNG QUỐC VIỆT	BK9	11	1	6		65	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	68	1	7		64	PSV	Vietnamese
11	VŨ NGỌC QUANG	PPD	17	1	3		80	DNVGL	Vietnamese
12	BUI VĂN VIỆN	PPD	19	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NĂNG PHONG	PPD	11	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TIEN	PPD	15-16	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	12	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	09	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	13	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THANH TRÍ	PPD	18	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	10	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN ĐẠO	PPD	20	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	3	3	18	257	0	0		
2	BK9	7	7	49	481	75	6		
3	PPD	11	12	48	793	0	16		
TOTAL		21	22	115	1.531	75	22		
WEIGHT KG				115	1.531	75			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: VSP02 - P5 - HST	CREW: Khang - Linh - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POKLONSKI	VSP02	76	1	4	25	81	KH-THAC	Russian
2	VÔ TÂN LINH	VSP02	81	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	83-85	3	19		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HẰNG HAI	VSP02	79	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	91	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	80	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	86	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	89-90	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG HOÀN	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH THAO	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
12	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	87	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	82	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	88	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGỌC LAM	P5	45,50	2	16	55	71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THẮNG	P5					81	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TẬP TOÀN	P5	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUY TRUNG	P5	46,49	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH BICH NGOC	HST	41-42	2	12		71	TLJOC	Vietnamese
20	TRAN QUANG HUY	HST	43-44	2	10		79	TLJOC	Vietnamese
21	VU DINH HOP	HST	52,99	2	10		79	TLJOC	Vietnamese
22	PHAM TUÂN CHUNG	HST	600	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	14	14	88	971	25	12		
2	P5	4	5	34	293	55	3		
3	HST	4	7	41	294	0	7		
TOTAL		22	26	163	1.558	80	22		
WEIGHT KG				163	1.558	80			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - TD3 - CLO	CREW: Vận - CHIẾN - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

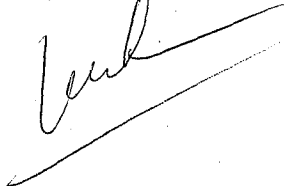
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE DIEN	CTK3	14	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	13	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
3	SMIRNOV	CTK3	11	1	3		100	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG TUAN	CTK3	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HIEU	CTK3	04	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI KHAC PHONG	CTK3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN MINH	CTK3	09-10	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
9	HA MINH GIANG	CTK3	06	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN QUANG TUAN	CTK3	15	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	12	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG QUOC BAO	CTK3	01	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THANH QUANG	CTK3	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM QUANG THAI	CTK3	07	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUAN	CTK3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM QUOC CUONG	CTK3	08	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG QUOC THANG	TD3	03	1	15		82	DVL	Vietnamese
19	MESHKOV M.Y.	TD3	04	1	15		72	DVL	Russian
20	NGUYEN XUAN NGOC	TD3	02	1	6		75	DVL	Vietnamese
21	PHAN VINH TRUONG	TD3	05	1	12		64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

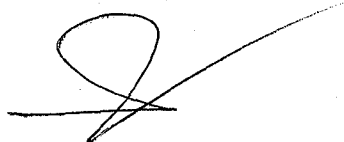
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	17	94	1.231	0	8		
2	TD3	4	4	48	293	0	2		
3	CLO	0	0	0	0	3	12		
TOTAL		21	21	142	1.524	3	22		
WEIGHT KG				142	1.524	3			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: CNV - VSP02 - RP1	CREW: Hôi - MTHAO - PTUÂN	ETA: 11:10
HONG-2			

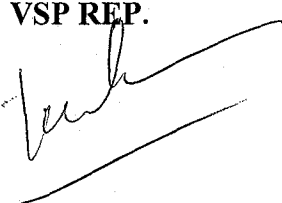
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC HANH	CNV	65	1	4	14	60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	61	1	5	50	80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	60	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	64	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	62	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	63	1	3		76	PSV	Vietnamese
7	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	10	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	14	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	02	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	08	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HUY BÌNH	VSP02					84	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ THAI SƠN	VSP02	12	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	01	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	06	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	03	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	09	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	11	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LŨ SƠN	VSP02	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	15	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TẠ VĂN CUONG	VSP02	13	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					53	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	07	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	6	26	417	64	6		
2	VSP02	16	14	81	1.079	0	8		
3	RP1	0	0	0	0	40	8		
TOTAL		22	20	107	1.496	104	22		
WEIGHT KG				107	1.496	104			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

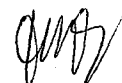
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: TD2 - BK14 - CTK3	CREW: Khang - Linh - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TOÀN	BK14	31	1	10	50	67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH LIÊM	BK14	26	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO KIM CUƠNG	BK14	30	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LUYỆN VĂN THIỂU	BK14	29	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ PHẠM THANH HUY	BK14	27	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN KHẮC THĂNG	BK14	28	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TIỀN CUƠNG	BK14	33	1	4		60	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HẢO	CTK3	86-87	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU BẢO	CTK3	82	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3					86	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG HÀ	CTK3	83	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CÂN	CTK3	84	1	4		73	PSV	Vietnamese
15	HOANG MINH TIEN	CTK3	81	1	10		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	0	0+2		CHUYEN 2 PAX FROM TD2 TO CTK3 CHUYEN 1 PAX FROM BK14 TO CTK3
2	BK14	8	8	52	531	50	9+1		
3	CTK3	7	7	42	514	0	13		
TOTAL		15	15	94	1.045	50	22		
WEIGHT KG				94	1.045	50			

GRAND TOAL: 1.189 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: TGTH4 - PPD - VSP02	CREW: Vận - CHIẾN - Vũ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIET THANG	TGTH4	78	1	6		72	HLJOC	Vietnamese
2	PHUNG MINH HAI	TGTH4	77	1	12		75	HLJOC	Vietnamese
3	VI TRAN TAN THUAN	TGTH4	79-80	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
4	HA QUANG TRUNG	TGTH4	83	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	42-43	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CAO CUONG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN VIET	PPD	46	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DANG QUANG	PPD	44-45	2	12	25	62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM TRAN HUU PHUC	PPD	47	1	7		97	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THAI BINH	PPD	57	1	6	25	70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRUONG TAN LOI	PPD	53-54	2	17	8	84	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG TRONG PHUC	PPD	52	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
13	VUONG MAI	PPD	48-49	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN HONG QUAN	PPD	50-51	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
15	MAI DUY TAN	PPD	55	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO DINH NHAT MINH	PPD	56	1	11		76	XAYLAP	Vietnamese
17	VU HAI DANG	VSP02	400	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC LUONG	VSP02	97	1	10	28	84	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN HUY THAN	VSP02	96	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
20	GASUKHA	VSP02	95	1	12		100	ANTOAN	Russian
21	BUI VAN THOI	VSP02					71	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	4	5	43	264	0	5		
2	PPD	12	16	118	869	50	7		
3	VSP02	5	4	42	398	28	9		
TOTAL		21	25	203	1.531	78	21		
WEIGHT KG				203	1.531	78			

GRAND TOAL: 1.812 KGS + 8 lgs

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: P10 - P4 - AMD	CREW: Hôi - MTHAO - N Nam	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠU THÊ HAI	P10	86	1	5	30	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN SƠN ANH	P4	04-05	2	15	40	86	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÙNG	P4	01	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P4	03	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC QUYẾT	P4	06	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGÔ VĂN TUẤN	P4	13-14	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH QUANG THAI	P4	25-26	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ HỒNG THANH	P4	02	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HUYNH ĐỨC TÂM	P4	09	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HAI	P4	10	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
11	HỒ NGUYỄN HẬU	P4	16-17	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P4	07-08	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐO XUAN HIỆP	P4	11-12	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
14	HA XUAN ĐẠT	P4	15	1	12		57	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM THANH NAM	P4	18	1	10	25	68	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN AN	AMD	96	1	8		65	HLJOC	Vietnamese
17	CU XUAN HUY	AMD	93	1	7		59	HLJOC	Vietnamese
18	TRINH THUONG MAI	AMD	87-88	2	12		63	TLJOC	Vietnamese
19	NGO SY KHOI	AMD	89	1	13		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BẠC HÀ	AMD	94	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	90-91	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUANG LONG	AMD	92	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	1	1	5	73	30	1		
2	P4	14	20	188	976	65	0		
3	AMD	7	9	71	467	0	21		
TOTAL		22	30	264	1.516	95	22		
WEIGHT KG				264	1.516	95			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:30
FLIGHT: 8	TO: AMD - TGTH1 - HSD	CREW: Hoài - Dũng	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	10	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
2	LE THANH TAN	AMD	07	1	11	80	60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAN	AMD	02	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO ĐỨC HUY	AMD	04	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	VU NGOC DUONG	AMD	05	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG HO NGHIA	AMD	11	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC THU	AMD	13-14	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN LAM	AMD	01	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEU	AMD	08	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ĐANG MẠNH	AMD	06	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
11	DANG TRONG DUNG	AMD	12	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGOC LUAN	AMD	09	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LE NGOC HA	AMD	03	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN TIEU	AMD	15-16	2	11		72	BAB	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG KIEN	AMD	17	1	11		55	BAB	Vietnamese
16	THAI THANH THAO	TGTH1	83	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LA NGOC HOAN	TGTH1	82	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC TOAN	TGTH1	99	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
19	KIEU VAN TUAN	TGTH1	81	1	4		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	17	122	1.003	80	8		CHUYEN 02 PAX FROM TGTH1 SANG HSD
2	TGTH1	4	4	23	291	0	9+2		
3	HSD	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		19	21	145	1.294	80	17		
WEIGHT KG				145	1.294	80			

GRAND TOAL: 1.519 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+CLO+IS2	7:25	0+18+1	0+0+0		0+15+7	0+0+0	CHUYỂN 3 RP3 CLO
2		TD1+P7	7:25	21+0	0+0		11+11	0+0	
3		AMD+TGT1	7:30	7+0	0+0		16+3	0+0	
4		P2+BK10+CLO	9:25	8+10+0	0+0+0		1+0+16	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP3 - CLO - JS2	CREW: Hôi - KHOÀN - Huy	ETA: 09:30
XANH-1			

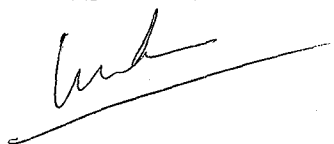
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	69	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
2	TELESHENKO I.A	CLO	61	1	8		110	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN DUY NAM	CLO	83	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	79	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẠU VĂN MINH	CLO	81	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ MINH TŨ	CLO	78	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN VĂN MẠNH*PK-PVD	CLO	82	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	CLO	80	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	76	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	77	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	62-63	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ KHƯƠNG DUY	CLO	66-67	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ HỮU KẾ	CLO	64-65	2	15		83	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HẢI	CLO	84-85	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
15	TÀ KIM VŨ	CLO	68	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN BA THUẬN	CLO	70-71	2	15		67	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN CƯỜNG	CLO	72-73	2	18		72	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC KHOA	CLO	74-75	2	14		87	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ VĂN BAO	JS2	83	1	10		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

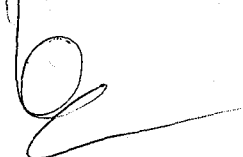
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	0	0	0	0	0	0+3		chuyen 3 pax tu RP3 sang CLO
2	CLO	18	25	152	1.333	0	15		
3	JS2	1	1	10	60	0	7		
TOTAL		19	26	162	1.393	0	22		
WEIGHT KG				162	1.393	0			

GRAND TOAL: 1.555 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1 - P7	CREW: Phong - MMinh - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GUSHEYNOV	TD1	08-09	2	11		80	KHOAN	Russian
2	PHAM XUAN HIEU	TD1	19	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
3	TOIB R.R	TD1	99	1	9		98	KHOAN	Russian
4	DENID RUBAYLO	TD1	98	1	8		104	KHOAN	Russian
5	FOK SERGEY	TD1	15	1	8		133	KHOAN	Russian
6	ZHARKOV A.V	TD1	07	1	7		130	KHOAN	Russian
7	DUONG THANH TUNG	TD1	200	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
8	SADOVNICHENKO D.A	TD1	05	1	12		103	KHOAN	Russian
9	BUI NGOC QUANG	TD1				38	59	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH THUY	TD1				40	66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUNG*K.T	TD1	12	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
12	DO NGUYEN GIAP*PK-PVD	TD1	96	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN NAM*PK-PVD	TD1	13	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN NGUYEN	TD1	14	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MINH SON	TD1	18	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH CAO TRONG	TD1	16-17	2	12		73	KHOAN	Vietnamese
17	VU MANH HAI	TD1	11	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
18	SEVCHENKO D.I	TD1	06	1	6		86	KHOAN	Russian
19	HOANG MINH DUC	TD1	04	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	VO HUU TAN	TD1	10	1	9		77	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TRIET	TD1	97	1	11		61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	21	140	1.693	78	11		
2	P7	0	0	0	0	55	11		
TOTAL		21	21	140	1.693	133	22		
WEIGHT KG				140	1.693	133			

GRAND TOAL: 1.966 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: AMD - TGTH1	CREW: Dũng - CÔNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU TRONG	AMD	97	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	AMD	800	1	11		86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG PHUC	AMD	98-99	2	13		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LE TAN THE	AMD	5000	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC DUAN	AMD	300	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG THANH DUNG	AMD	22-23	2	10		54	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN DIEN	AMD	500	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	9	62	454	0	16		
2	TGTH1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		7	9	62	454	0	19		
WEIGHT KG				62	454	0			

GRAND TOAL: 516 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: P2 - BK10 - CLO	CREW: Hòì - KHOÀN - Huy	ETA: 11:50
DO-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH TÙNG	P2	47	1	6		79	XAYLAP	Vietnamese
2	TA QUỐC CHINH	P2				23	74	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ THANH LONG	P2	03-04	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ NHẬT TÂM	P2	49	1	6		62	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ DUY ĐỨC	P2	31	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG MINH HIẾU	P2	29-30	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN HỮU MINH	P2	01-02	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN QUANG LƯU	P2	48	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
9	CÚ CHI CÔNG	BK10	51-52	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HUY	BK10	53-54	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	THÂN VĂN KIẾN	BK10	44	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ	BK10	55-56	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN NINH	BK10	49-50	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯƠNG XUÂN QUANG	BK10	57-58	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO MINH TIẾN	BK10	47-48	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ANH TUẤN	BK10	45-46	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BỘ	BK10	43	1	16		69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	BK10	42	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	10	85	560	23	1		
2	BK10	10	17	144	649	0	0		
3	CLO	0	0	0	0	0	16		
TOTAL		18	27	229	1.209	23	17		
WEIGHT KG				229	1.209	23			

GRAND TOAL: 1.461 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD5+TD3	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	CHUYỂN 2 TD5 TD3
2		P4+P5+RC3	7:25	9+12+0	0+0+0		1+14+5	0+0+0	
3		AMD+TGTH4	9:25	1+0	0+0		19+3	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - TD5 - TD3	CREW: Phong - DUONG - PTUÁN	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HẢI	TD2	44	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV S.A	TD2	51	1	10		86	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	43	1	5	45	72	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	59	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	58	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	60	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	61	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	57	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	56	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	46	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NG CHIẾN THẮNG*PK-PVD	TD2	47-48	2	14		69	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HÙNG	TD2	63-64	2	14		77	KHOAN	Vietnamese
14	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD2	54	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD2	68	1	5		60	DVL	Vietnamese
16	TÔNG TIẾN QUANG	TD2	50	1	14		75	DVL	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD2	52	1	10		80	DVL	Vietnamese
18	VU MẠNH NAM	TD2	53	1	5		70	DVL	Vietnamese
19	PHẠM QUANG TRUNG	TD2	62	1	13		80	DVL	Vietnamese
20	LUÔNG MẠNH HẢI	TD2	55	1	15		70	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC NINH	TD2	49	1	10		70	DVL	Vietnamese
22	ĐÀO VĂN LONG	TD2	45	1	4		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	23	154	1.588	45	20		CHUYỂN 02 PAX TỪ TD5 SANG TD3
2	TD5	0	0	0	0	0	0	+2	
3	TD3	0	0	0	0	40	0		
TOTAL		22	23	154	1.588	85	20		
WEIGHT KG				154	1.588	85			

GRAND TOTAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P4 - P5 - RC3	CREW: Hạnh - CHIẾN - Toan	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TUÂN	P4	35-36	2	18		67	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ THANH HIẾU	P4	37	1	8	8	67	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	P4	38	1	12	18	70	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG KIM THANH	P4	29	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
5	TRỊNH HOÀI ĐỨC	P4	32-33	2	18		73	CODIEN	Vietnamese
6	CHU TUÂN ANH	P4	30-31	2	12		60	CODIEN	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HÙNG	P4					76	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHÍNH	P4	34	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
9	VÔ HOÀNG TIỀN	P4	27-28	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN BÀ LƯỢNG	P5					66	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC TUÂN	P5					66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	54	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ VĂN DOANH	P5					68	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN PHAN	P5	57	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HẢO	P5	58	1	5	16	78	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUYẾT TIỀN	P5	51	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	52	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TUÂN LONG	P5	55	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HÙNG	P5	53	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN HÙNG*PK-PVD	P5	59-60	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
21	ĐÀO XUÂN THANH	P5	56	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	12	108	629	26	1		
2	P5	12	10	45	834	16	14		
3	RC3	0	0	0	0	80	5		
TOTAL		21	22	153	1.463	122	20		
WEIGHT KG				153	1.463	122			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: AMD - TGTH4	CREW: Phong - DUONG - PTUẤN	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG THE KHAI	AMD	37	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	1	1	5	73	0	19		
2	TGTH4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		1	1	5	73	0	22		
WEIGHT KG				5	73	0			

GRAND TOAL: 78 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+BK8+TD1	7:25	15+7+0	0+0+0		8+9+5	0+0+0	
2		TD5	7:25	22	0		22	0	
3		BK6+TD3	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
4		MRM	7:25	5	0		0	0	
5		BK5+BK15+P10	9:25	4+10+8	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
6		P9+BK10	9:25	15+7	0+0		12+10	0+0	
7		P10+P2+TD5	9:25	11+5+6	0+0+0		5+9+8	0+0+0	
8		P10+P9+BK6	11:25	9+11+7	0+0+0		2+12+8	0+0+0	
9		BK4+BK3+P2	11:25	5+6+11	0+0+0		5+5+12	0+0+0	CHUYỂN 1 BK3 P2
10		P1+P2+P11	11:25	7+12+3	0+0+0		7+4+10	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P11 - BK8 - TD1	CREW: VThắng - HÙNG - HIẾU	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	P11	50	1	4		65	D-HANH	Vietnamese
2	CHU MINH HÙNG	P11	54	1	3	40	78	KH-THAC	Vietnamese
3	MISHIN A. B.	P11	43	1	5		90	NIPI	Russian
4	BUI ĐÌNH PHI	P11	46	1	4		60	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐÀU	P11	49	1	3		60	NHATHAU	Vietnamese
6	NGUYỄN HUU THANH	P11	53	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MANH CUONG	P11	55	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CỎ	P11	44	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC ANH	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI CÔNG LAN	P11					65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIEU	P11	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO MINH HOANG	P11	47	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN KIM NGỌC	P11	51	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NG TRONG BANG	P11	52	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	P11	48	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀN TRỊCH GIANG	BK8	52-53	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
17	PHÙNG QUANG ĐẠI	BK8	50-51	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN BÀ ĐÔNG	BK8	49	1	17	60	71	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN CAO TRI	BK8	54-55	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐẶC HÙNG	BK8	46	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ HỒNG CUONG	BK8	47-48	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
22	LẠI VĂN MẠNH	BK8	45	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	15	13	54	1.007	40	8		
2	BK8	7	11	114	474	60	9		
3	TD1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	24	168	1.481	100	22		
WEIGHT KG				168	1.481	100			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5	CREW: Khang - MTuấn - Luy	ETA: 09:15
TRANG-1			

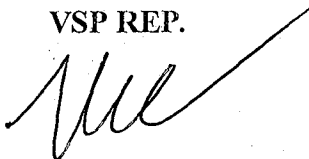
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHU Y	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
2	LE THANH LAM	TD5					68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH VAN SU	TD5	63	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH CUONG	TD5	73	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
5	HO HOAN KIEM	TD5	70	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOA	TD5	62	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN BA HOA	TD5	64	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DUY ĐUC	TD5	61	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH ANH TRUONG	TD5	69	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHAT QUANG	TD5	74	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	LE VU NGOC	TD5	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN HANH	TD5	71	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TAN VINH	TD5	66-67	2	10		86	KHOAN	Vietnamese
14	LE VIET THANG	TD5	75	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	LE TRUNG SON	TD5	90	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
16	KARIMOV TAGIR	TD5	57-58	2	8	35	90	D-HANH	Russian
17	LUU DINH TRONG	TD5	78	1	17		76	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC BAO	TD5	76-77	2	18		80	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THAO	TD5	59	1	6		77	PSV	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	60	1	6		83	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN ĐANG NGOC	TD5	65	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	TRAN MINH HUNG	TD5	72	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

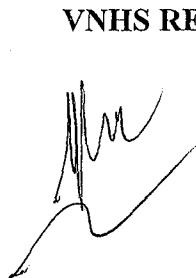
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	143	1.644	35	22		
	TOTAL	22	23	143	1.644	35	22		
	WEIGHT KG			143	1.644	35			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

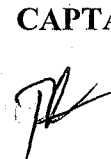
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: BK6 - TD3	CREW: Vận - ĐNam - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG KHOAI	BK6	62	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
2	LE HONG HAN	BK6	42-43	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
3	LE CONG NAM	BK6	34	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN VUI	BK6	46	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TOAN	BK6	47	1	8	60	58	XAYLAP	Vietnamese
6	LE ANH TUAN	BK6	40-41	2	19		79	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM BA HOANG	BK6	44-45	2	18	6	66	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐANG VAN HAN	TD3	19	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
9	OLEYNIK IVAN	TD3	12	1	4		72	KHOAN	Russian
10	ZHURBIN N.B	TD3	13	1	8		95	KHOAN	Russian
11	KOPYLOV N.P	TD3	14	1	15		90	KHOAN	Russian
12	LE VAN KHOA	TD3	15	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	CHU VAN THANG	TD3	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN LE KIEN	TD3	09-10	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DUC HOAN-PK-PVDO	TD3	08	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
16	KHUAT QUANG KIEN	TD3	18	1	15		64	KHOAN	Vietnamese
17	VU HUNG ANH	TD3	17	1	5	27	75	KHOAN	Vietnamese
18	HA VAN PHUC	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HUNG	TD3	16	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	DO TIEN DUNG	TD3	25	1	5	4	53	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN TRUONG	TD3	22-24	3	20		60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN DUC THANG	TD3	20-21	2	16		65	BAKER HU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	7	10	99	452	66	6		
2	TD3	15	18	130	1.070	31	16		
TOTAL		22	28	229	1.522	97	22		
WEIGHT KG				229	1.522	97			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: MRM	CREW: Toàn - TRƯỞNG	ETA: 10:00
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TUAN	MRM	27-28	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
2	DUONG KY TAM	MRM	26	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HACH	MRM	30	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
4	KHAERDINOV VITALY	MRM	29	1	8		77	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

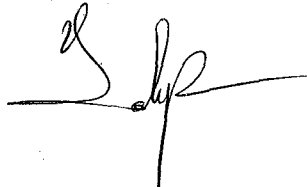
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	4	5	40	294	6	TBA		
	TOTAL	4	5	40	294	6	TBA		
	WEIGHT KG			40	294	6			

GRAND TOAL: 340 ~~334~~ KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: BK5 - BK15 - P10	CREW: VThắng - HÙNG - HIẾU	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG THE VINH	BK5	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO VAN HOI	BK5	29	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG QUANG TE	BK5	30	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DINH THUAN	BK5	27-28	2	9		63	KH-THAC	Vietnamese
5	SUSTEROV ROMAN	BK15	64	1	8		79	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN HOANG KHA	BK15	72,68	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU TIEN THANH	BK15	92	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN QUANG HOANG	BK15	94	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN MANH HUNG	BK15	93	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN VAN BANG	BK15	65	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG VIET	BK15	95	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HAM CHUNG	BK15	63	1	5	15	65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	96	1	8	55	74	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN NHUAN	BK15	600,98	2	18		57	PSV	Vietnamese
15	BADIKOV M.F.	P10	92	1	5		70	KH-THAC	Russian
16	TRAN VAN THANG	P10	90	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC KHANH	P10	93	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DANG HOANG	P10	55	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC PHI	P10	95	1	5	35	63	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG VAN HOI	P10	89	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG SY NGUYEN	P10	91	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN HUONG	P10	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	5	29	267	0	0		
2	BK15	10	12	93	699	70	9		
3	P10	8	8	42	552	35	13		
TOTAL		22	25	164	1.518	105	22		
WEIGHT KG				164	1.518	105			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: P9 - BK10	CREW: Khang - MTuấn - Luy	ETA: 11:15
VANG-2			

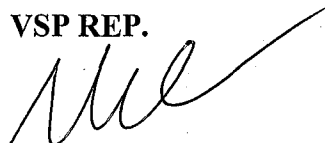
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ THANH	P9	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN QUÊ	P9	15	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH HAI	P9	12	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TAM THUY	P9	02	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	13	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG THẾ DŨNG	P9	01	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ LĂNG TÚ	P9	11	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	07	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN LINH	P9	05	1	5	15	69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NAM GIANG	P9	10	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	14	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	04	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÀ KHA	P9	09	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH THẾ NHÂN	P9	06	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	08	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	63	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	61	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CHÂU NAM	BK10	64	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
19	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	65	1	5	70	60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	66-67	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI CAO ĐỊNH	BK10	59-60	2	13		60	PSV	Vietnamese
22	VƯƠNG ĐỨC HUY	BK10	62	1	10		99	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

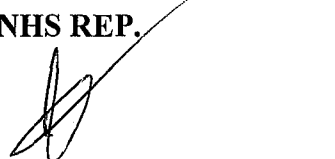
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	15	15	77	1.092	15	12		
2	BK10	7	9	58	508	70	10		
TOTAL		22	24	135	1.600	85	22		
WEIGHT KG				135	1.600	85			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: P10 - P2 - TD5	CREW: Vận - ĐNam - NNam	ETA: 11:20
TRANG- 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	07	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỮU TRI	P10	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	06	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	01	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN BAO TOAN	P10	04	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	03	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THE HUNG	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN SANH TRUONG	P10	09-10	2	20		60	XLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH CONG VAN	P10	02	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PARSHIN	P2	05-06	2	20		86	KH-THAC	Russian
13	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	P2	07	1	6	35	66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	50	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ANH ĐỨC	P2	08	1	3	22	66	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ CÔNG ANH	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH QUỐC HÙNG	TD5	99	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	500	1	7		62	PSV	Vietnamese
19	PHẠM QUANG HUY	TD5	98	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG MINH	TD5	94	1	5		80	PSV	Vietnamese
21	LUƠNG ANH HAI	TD5	97	1	6		54	PSV	Vietnamese
22	NGO DUY NGOC	TD5	92	1	8		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	11	10	64	789	0	5		
2	P2	5	5	33	359	57	9		
3	TD5	6	6	37	392	0	8		
TOTAL		22	21	134	1.540	57	22		
WEIGHT KG				134	1.540	57			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: P10 - P9 - BK6	CREW: HÙNG - CHIẾN - HIẾU	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH XUAN QUAN	P10	99	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
2	DO TRUONG THINH	P10	98	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VU BAO TRUNG	P10	500	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG BINH	P10	45	1	5		67	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUY	P9	51	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HUU TRI	P9	41	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEN	P9	47-48	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
8	HUA SAY	P9	49	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI CONG THANG	P9	42	1	9	5	60	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG DUC HAI	P9	50	1	3	15	65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC DO	P9	39	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG XUAN THAI	P9	44	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH HUY KHIEM	P9					76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC THANH	P9	40	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	HO DUC HIEN	P9	45	1	10	10	51	YTE	Vietnamese
16	LE BINH MINH	BK6	70	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN QUY	BK6	73-74	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG THANH BINH	BK6	75-76	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN DANG	BK6	68-69	2	20	20	52	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VU QUANG LAM	BK6	67	1	12		57	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN THE NGUYEN	BK6	77	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
22	LUONG NHU THIEN	BK6	71-72	2	13		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	4	16	298	0	2		
2	P9	11	11	63	726	30	12		
3	BK6	7	11	100	432	20	8		
TOTAL		22	26	179	1.456	50	22		
WEIGHT KG				179	1.456	50			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	TO: BK4 - BK3 - P2	CREW: Khang - MTHAO - PTUÂN	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUBOV	BK4	73	1	6		82	KH-THAC	Russian
2	LÊ CÔNG VINH	BK4	74	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	BK4	04	1	3	20	85	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	BK4	72	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	71	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	THAI HAI HA	BK3	33	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ XUÂN TUÂN	BK3	50	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA DUY	BK3	49	1	3	60	57	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ CHIẾN THẮNG	BK3	48	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH TUÂN	BK3	51	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK3	34	1	5		73	PSV	Vietnamese
12	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	14	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG MINH QUÂN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC DUC	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN MINH XANH	P2	13	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SOAI	P2	17	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	15	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TRI HAO	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MANH UT	P2	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	BIÊN DANG SAM	P2	20	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG QUOC VIEN	P2	19	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM HIEN TRUONG	P2	16	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	5	5	24	361	20	5		CHUYEN 1 PAX TU BK3 SANG P2
2	BK3	6	6	39	401	60	5	hd	
3	P2	11	8	49	744	0	12		
TOTAL		22	19	112	1.506	80	22		
WEIGHT KG				112	1.506	80			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: 9	TO: P2 - P1 - P11	CREW: Vận - Mạnh - Toàn	ETA: 13:20
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI SINH CUNG	P2	59-60	2	10		60	T-TIN	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P2	49	1	4		66	PSV	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	53	1	3		65	PSV	Vietnamese
4	BUI LONG HUNG	P2	52	1	3		66	PSV	Vietnamese
5	TRẦN VĂN ĐỨC	P2					55	PSV	Vietnamese
6	HOÀNG QUỐC LONG	P2	54-55	2	6		57	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN HAI TRUNG	P2	58	1	5		60	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN XUAN PHONG	P2	62	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THAI BÌNH	P2	51	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG DAN	P2	57	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NHƯ Y	P2	56	1	7		60	KHI	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	50	1	3		74	T-TIN	Vietnamese
13	LUU VAN TUAN	P1	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HIỆP	P1	65	1	5	15	78	PSV	Vietnamese
15	LÊ HỒNG MINH	P1	66	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN KHANH CHÂN	P1					55	PSV	Vietnamese
17	PHAN SỸ HOÀN	P1	69-70	2	12		65	PSV	Vietnamese
18	NG THỊ KIM TUYẾN	P1	63-64	2	15		65	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN TUAN	P11				40	50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P11	59	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỀN	P11	58	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	13	59	736	0	3		
2	P1	6	7	43	398	15	9		
3	P11	3	2	8	183	40	10		
TOTAL		21	22	110	1.317	55	22		
WEIGHT KG				110	1.317	55			

GRAND TOAL: 1.482 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN